

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ THỎA HIỆP CÓ NGUYÊN TẮC VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1945 - 1954)

PGS, TS VŨ QUANG VINH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

TS NGUYỄN QUỐC KHƯƠNG

Đại học Nội vụ Hà Nội

Tóm tắt: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các thế lực phản động chống phá cách mạng rất quyết liệt. Theo thỏa thuận tại Hội nghị Potsdam, quân đội các nước Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật ở Việt Nam (Quân đội Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc vĩ tuyến 16, quân đội Anh ở phía Nam vĩ tuyến 16). Ngày 23-9-1945, được quân đội Anh giúp sức, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, sau đó đánh ra các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Thù trong, giặc ngoài đe dọa, vận mệnh dân tộc Việt Nam “như ngàn cân treo sợi tóc”. Trong tình thế khó khăn đó, Hồ Chí Minh đã khôn khéo “thỏa hiệp có nguyên tắc”-một hình thức đấu tranh đặc biệt, từng bước đưa cách mạng Việt Nam vượt qua sóng gió, thác ghềnh, giành thắng lợi vẻ vang.

Từ khóa: Thỏa hiệp có nguyên tắc; tư duy sách lược Hồ Chí Minh; cách mạng Việt Nam; 1945-1954

1. “Thỏa hiệp có nguyên tắc” trong sách lược ngoại giao Hồ Chí Minh

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự do. Nhân dân từ người nô lệ trở thành chủ nhân của đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm bảo vệ nền độc lập mới giành được. Hệ thống chính quyền cách mạng ở các cấp nhanh chóng được thiết lập và củng cố trên phạm vi cả nước. Đảng ra hoạt động công khai và lãnh đạo chính quyền. Quân đội chính quy tiếp tục được củng cố, tăng cường.

Bên cạnh những thuận lợi, Nhà nước Việt Nam trẻ tuổi và cả dân tộc phải đương đầu với

muôn vàn khó khăn, thách thức. Đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Kinh tế đình đốn, nạn đói từ cuối năm 1944 đến đầu năm 1945 làm chết gần 2 triệu người và tiếp tục đe dọa sinh mạng hàng triệu người. Hàng chục vạn héctơ ruộng đồng bỏ hoang. Hầu hết các cơ sở sản xuất đều đình đốn, hàng vạn công nhân không có việc làm. Việc buôn bán, giao lưu trao đổi trong nước với nước ngoài bị đình trệ. Hơn 90% dân số Việt Nam mù chữ, các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu của chế độ cũ thực sự là gánh nặng cho chính quyền cách mạng mới thành lập. Các lực lượng vũ trang bảo vệ chính quyền cách mạng còn nhỏ bé, kinh nghiệm chỉ huy, tác chiến còn ít, vũ khí, trang bị thiếu nghiêm trọng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các thế lực phản động trong nước như: Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, Đại Việt Quốc dân Đảng, Đại Việt quốc gia xã hội Đảng chống phá cách mạng rất quyết liệt.

Theo thỏa thuận tại Hội nghị Pótđam (Posdam) của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới II, quân đội các nước Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng (Quân đội Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc vĩ tuyến 16, quân đội Anh ở phía Nam vĩ tuyến 16). Ngày 23-9-1945, được quân đội Anh giúp sức, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, sau đó đánh ra các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Thù trong, giặc ngoài đe dọa, vận mệnh dân tộc Việt Nam trong tình thế “như ngàn cân treo sợi tóc”.

Trong khi đó phe XHCN hình thành sau Chiến tranh thế giới II trở thành một hệ thống thế giới, đối trọng với phe ĐQCN.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nhưng hơn bốn năm sau đó vẫn chưa có một quốc gia nào, một tổ chức quốc tế nào, kể cả Liên Xô, công nhận và giúp đỡ. Trong khi đó, Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố tự giải tán từ năm 1943, quan hệ quốc tế của Đảng gặp rất nhiều khó khăn, hầu như không nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ từ các đảng cộng sản khác trên thế giới.

Ngày 31-5-1946, trước khi lên đường thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ “đĩ bất biến, ứng vạn biến””.

Theo Ph.Ăngghen, trong cách mạng: Một đảng đang chiến đấu buộc phải thỏa hiệp và nếu cụ tuyệt không làm như thế, thì quả thật đó là một điều phi lý². Khi nào cần phải thỏa hiệp?

Tư duy sách lược Hồ Chí Minh chỉ rõ khi lực lượng so sánh không cho phép ta thắng kẻ thù ngay lập tức, khi địch muốn buộc ta giao chiến mà ta chấp nhận giao chiến là hoàn toàn bất lợi, thì trong trường hợp ấy thỏa hiệp là hoàn toàn cần thiết. Như thế, sẽ tránh cho cách mạng ngọn đóm địch nhằm vào ta, bảo tồn được lực lượng một cách vững chắc, tiếp tục cuộc đấu tranh dưới hình thức khác nhằm đạt tới mục đích cuối cùng. Trên một ý nghĩa nào đó, thỏa hiệp là một hình thức đấu tranh đặc thù mà người cách mạng phải biết sử dụng khi cần thiết. Thấy cuộc chiến đấu cầm chắc là có lợi cho địch và hoàn toàn bất lợi cho ta mà vẫn chiến đấu, thì như V.I.Lênin nói đó là một tội ác³. Nghệ thuật ở đây là phải biết tùy cơ ứng biến “lựa chiều, liên minh và thỏa hiệp” để tránh một cuộc chiến đấu bất lợi rõ rệt⁴. Cho nên, “tinh thần tuyệt đối trung thành với lý tưởng chủ nghĩa cộng sản phải được kết hợp với nghệ thuật biết thực hành tất cả những thỏa hiệp thực tiễn cần thiết, tất cả những sự quanh co, lựa chiều, ngoắt ngoéo chũm chĩ, dung hòa và rút lui”⁵.

Trên nền tảng lý luận Mác-Lênin, phương sách “đĩ bất biến, ứng vạn biến” là phương sách của ông cha được Hồ Chí Minh sử dụng hết sức linh hoạt. “Đĩ bất biến, ứng vạn biến” là lấy cái không thể thay đổi để ứng phó với muôn sự thay đổi, về nội dung và thực chất, nó là một phương pháp có nguồn gốc từ tư duy biện chứng của cả phương Tây và phương Đông. Ở Việt Nam, phương sách “đĩ bất biến, ứng vạn biến” được ông cha ta tổng kết, vận dụng linh hoạt, có hiệu quả trong đời sống thường ngày, trong cuộc đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước. Thực hiện “đĩ bất biến, ứng vạn biến” là kiên định nguyên tắc nhưng linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược. Tuy nhiên, sự linh hoạt này phải trên cơ sở giữ vững nguyên tắc. Đó là:

Thứ nhất, xác định được giới hạn của nhân nhượng: không được làm tổn hại chủ quyền quốc gia và lợi ích tối cao của dân tộc.

Quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lợi ích dân tộc chính đáng tối cao đó là Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhưng phải là “hòa bình thực sự trong độc lập, tự do”⁶; đồng thời hòa bình của Việt Nam gắn với hòa bình khu vực và hòa bình thế giới. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, chủ quyền quốc gia không chỉ là toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là chủ quyền ngoại giao.

Thứ hai, nắm vững mục tiêu cách mạng, có bản lĩnh vững vàng, sự quyết đoán khôn ngoan mau lẹ để ứng phó kịp thời với từng tình thế, từng đối tượng trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Ba là, linh hoạt, mềm mỏng trong sách lược, nhưng cũng phải kiên quyết và tận dụng mọi cơ hội để tấn công ngoại giao.

Trong bài viết: “Về những sự thoả hiệp”, V.I.Lênin chỉ rõ: “Không thể thế rằng sẽ không thoả hiệp. Do hoàn cảnh bắt buộc nên có lúc ngay cả chính đảng cách mạng nhất của một giai cấp cách mạng nhất cũng cần phải thực hiện thoả hiệp”⁷. Đồng thời V.I.Lênin nhắc nhở là thoả hiệp phải có nguyên tắc. Đó là thông qua thoả hiệp để giữ gìn, củng cố, tôi luyện, phát triển chiến lược cách mạng, tổ chức cách mạng, ý thức cách mạng, sự quyết tâm sự chuẩn bị của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản⁸.

Trong đấu tranh ngoại giao, “đi bất biến, ứng vạn biến” gắn chặt với thoả hiệp, nhân nhượng. Nhân nhượng và thoả hiệp phải trên cơ sở nguyên tắc và có đi có lại. Ngày 21-1-1946, Đờ Gôn rời bỏ Chính phủ. Felix Gouin, một đảng viên Xã hội đứng ra thành lập Chính phủ lâm thời⁹ và trước khi ký kết Hiệp định Hoa-Pháp về thay quân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương tiến hành cuộc thương lượng với Pháp, ký Hiệp định Sơ bộ (6-

3-1946). Sau Hiệp định Sơ bộ, trong các tuyên bố đối ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định Việt Nam ở trong khối Liên hiệp Pháp và bày tỏ nguyện vọng đàm phán hòa bình. Trong thư gửi tướng Loclec (1-1-1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi đã nhất quyết ở trong khối Liên hiệp Pháp, cộng tác thành thực với nước Pháp và tôn trọng quyền lợi kinh tế, văn hóa Pháp trong nước chúng tôi. Nhưng chúng tôi cũng nhất quyết chiến đấu đến cùng cho độc lập và thống nhất quốc gia”¹⁰.

2. “Thỏa hiệp có nguyên tắc” trong thực tiễn cách mạng Việt Nam (1945-1954)

Vận dụng tư tưởng của V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã thoả hiệp, nhân nhượng khôn ngoan với đối phương trong kháng chiến chống Pháp. Trong những năm 1945-1946, Hồ Chí Minh và Đảng đã thoả hiệp với Trung Hoa Dân quốc bằng chính sách “Hoa-Việt thân thiện”: nhân nhượng về chính trị (cho tay sai của chúng tham gia Quốc hội, Chính phủ liên hiệp, thậm chí cả giải tán Đảng, chấp nhận cổ vấn quân huân tại Bộ Quốc phòng), nhân nhượng nhiều lợi ích kinh tế (tiền tiền quan kim mắt giá, cung cấp lương thực...), tránh xung đột. Mặt khác, kiên quyết, không thoả hiệp các vấn đề có tính nguyên tắc như không chấp nhận cổ vấn của Tưởng trong Bộ Quốc phòng, mà chỉ là cổ vấn quân huân, chấp nhận giải tán Đảng, song chỉ là danh nghĩa, chuyển các đơn vị quân chính quy thành vệ quốc đoàn. Trong thoả thuận với Pháp, chúng ta chấp nhận 15.000 quân Pháp thay quân Tưởng, song có thời hạn; Việt Nam là nước “tự do” song có chính phủ, nghị viện, tài chính và vấn đề thống nhất Nam Kỳ sẽ qua trưng cầu dân ý... Đó là những vấn đề có tính nguyên tắc không thể nhân nhượng.

Việt Nam phát triển các tổ chức cứu quốc, thống nhất các tổ chức cứu quốc lên toàn xứ và

toàn quốc, không ngừng mở rộng thành viên Mặt trận Việt Minh nhằm đoàn kết rộng rãi hơn nữa các lực lượng yêu nước và tiến bộ, thu hút cả một số đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội vào các cơ quan mặt trận và chính quyền Trung ương, đồng thời mở rộng Quốc hội, dành cho các đảng phái đó 70 ghế trong Quốc hội mà không thông qua bầu cử.

Đó là sách lược thỏa hiệp với giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản, nhằm một mặt thì hòa hoãn trong nước, mặt khác, để đối phó với cùng một lúc mấy đế quốc Pháp, Anh, Mỹ và đội quân chiếm đóng của Tưởng Giới Thạch. Phải nhận nhượng nhiều như vậy, song chúng ta không quên mục tiêu cuối cùng, đó là vấn đề nguyên tắc. Tổng kết cách mạng Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh: “Điều có tính nguyên tắc là trong chính sách hàng ngày cũng như trong thực tiễn đấu tranh dù dưới bất cứ hình thức gì và điều kiện nào, người cách mạng không bao giờ được lãng quên mục đích cuối cùng”¹¹.

Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) cũng là một trường hợp thỏa hiệp đúng đắn, có nguyên tắc. Trong Hiệp định Sơ bộ với Pháp, ta chấp nhận quân Pháp, thay thế quân Tưởng, Việt Nam là nước “tự do”... để đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước cùng bè lũ tay sai. Trong khi chính quyền cách mạng Việt Nam còn non trẻ, trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, so sánh lực lượng giữa ta và địch đang rất bất lợi cho ta mà phải nhận

chiến đấu với mấy kẻ thù cùng một lúc đang tập trung phản công ta cả trong Nam ngoài Bắc, cả mặt trước lẫn mặt sau, thì điều đó dễ dẫn đến nguy cơ bị diệt vong. Trong khi thực tế tỏ rõ cả Anh, Pháp, Mỹ và Tưởng đều muốn ta giao chiến và ta biết rõ điều đó là hoàn toàn bất lợi, mà ta lại khước từ một sự liên minh tạm thời và hòa hoãn cần thiết với một trong số những kẻ thù đó, thì đây chính là hành động cố chấp, chứ không phải là tinh thần hăng hái cách mạng. Trong Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Hồ Chí Minh đã

Trong những hoàn cảnh cụ thể, một sự thỏa hiệp khôn ngoan và cần thiết nhằm phân hóa và cô lập hàng ngũ kẻ thù, làm cho chúng suy yếu, đồng thời tăng cường thực lực cách mạng, là nét đặc sắc trong tư duy sách lược ngoại giao Hồ Chí Minh, được vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo trong những bước ngoặt lịch sử. Trong giai đoạn 1945-1954, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư duy chiến lược tài năng và tư duy sách lược sáng tạo đã thực hiện phương sách nhân nhượng, thỏa hiệp dững cảm, trí tuệ, mang ý nghĩa cách mạng và khoa học để lại kinh nghiệm quý trong công tác đối ngoại hiện nay.

thực hiện một trường hợp thỏa hiệp tạm thời với thực dân Pháp để rảnh tay đối phó, tìm cách tổng cổ quân Tưởng và gạt bỏ ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực Đông Dương. Chi thị “Hòa để tiến” của Thường vụ Trung ương Đảng chỉ rõ việc ta hòa với Pháp để:

Một là, tránh tình thế bất lợi, phải cô lập chiến đấu với nhiều lực lượng phản động (thực dân Pháp, Tàu trắng, bọn phân cách mạng trong nước), chúng sẽ đúc thành một khối và được bọn đế quốc Anh, Mỹ

giúp sức để đánh ta trong khi các lực lượng hòa bình, tự do và tiến bộ trên thế giới (như Liên Xô, phong trào cộng sản ở Tàu và Pháp, cách mạng thuộc địa) chưa thể trực tiếp giúp ta được.

Hai là, bảo toàn thực lực dành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí mới đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào. Tóm lại để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tiến lên giai đoạn cách mạng mới¹².

Theo Hiệp định Sơ bộ, Đông Dương chưa hoàn toàn độc lập, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Nhiệm vụ của nhân dân ta phải tiếp tục chống chủ nghĩa thực dân, nhưng lúc này, theo văn bản Hiệp định, thực dân Pháp đã bỏ tham vọng đô bộ vào nước ta như trước và nhận nguyên tắc tự chủ, thống nhất dân tộc của chúng ta. Kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân ta không phải thực dân Pháp nói chung mà là chủ nghĩa thực dân phản động Pháp, nghĩa là một bộ phận phát xít còn sót lại. Chúng mưu đặt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp lên các dân tộc Đông Dương một lần nữa. Để cô lập và phân hóa chúng, Hồ Chí Minh đã thực hiện sách lược cần thiết: đòi Mặt trận dân tộc chống thực dân Pháp thành Mặt trận dân tộc thống nhất chống phản động và giành độc lập hoàn toàn. Sách lược đó đòi hỏi phải xem xét lại những khẩu hiệu, những hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức cũ để thay đổi kịp thời cho phù hợp với tình hình mới. Những khẩu hiệu như *kháng chiến* phải nhường chỗ cho khẩu hiệu *kiến quốc*, khẩu hiệu *chống thực dân Pháp xâm lược* nhường chỗ cho khẩu hiệu *Liên hiệp bình đẳng với nước Pháp mới* và *Hai dân tộc Việt-Pháp liên hiệp chống lại phản động Pháp*... Trong những hoàn cảnh cụ thể, những trường hợp cần thiết thực hiện một sự thỏa hiệp khôn ngoan nhằm phân hóa và cô lập hàng ngũ kẻ thù, làm cho chúng suy yếu, đồng thời tăng cường thực lực cách mạng, là nét đặc sắc trong tư duy sách lược Hồ Chí Minh, được vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo trong những bước ngoặt lịch sử.

Trong bối cảnh vô vàn khó khăn phức tạp, Hồ Chí Minh đã ký Tạm ước ngày 14-9-1946. Tuy nhiên, như Đảng đã khẳng định: “Tạm ước ngày 14 tháng Chín là một bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền của nước, là hại quyền lợi cao trọng của dân tộc!”¹³.

Về Hiệp định Giơnevơ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tại sao ta không đánh thêm một thời gian nữa để giải quyết vấn đề thống nhất đất nước một cách dứt khoát, trọn vẹn mà lại đi đến Hiệp định Giơnevơ năm 1954, chấp nhận tình hình giảng hòa, sau đó lại phải tiếp tục cách mạng bằng những bước quanh co, khúc khuỷu hơn hai mươi năm sau đó. Xem xét tổng thể tình hình thế giới, trong nước nhận thấy: Bước vào những năm 50 của thế kỷ XX, sau Chiến tranh thế giới II, cả hai phe đều không đủ sức tiến công nhau, đều có nhu cầu dừng lại để củng cố và xây dựng lực lượng. Cho nên, việc chấm dứt chiến tranh Triều Tiên và hai bên dừng lại ở vĩ tuyến 38, và việc chấm dứt chiến tranh Việt Nam bằng Chiến dịch Điện Biên Phủ và hai bên dừng lại ở vĩ tuyến 17, là sự phản ánh cụ thể so sánh lực lượng hai bên lúc này ở thế giảng hòa, tránh đụng đầu trực tiếp giữa hai lực lượng đối kháng quốc tế.

Trong bối cảnh đó, hai bên đều nhận thấy cần thực hiện một sự hòa hoãn tạm thời, một sự thỏa hiệp cần thiết, để chấm dứt cuộc xung đột ở tại một khu vực. Về phía Việt Nam, dừng lại khi ký Hiệp định Giơnevơ có những tác dụng cơ bản:

Một là, ta có miền Bắc XHCN làm căn cứ địa vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước;

Hai là, ta đã thực hiện phương châm biết thắng từng bước cho đúng để rồi lại chuẩn bị tốt cho cuộc đấu tranh tiếp theo đến thắng lợi cuối cùng.

Trước khi Hội nghị Giơnevơ ký kết (1954), trong Báo cáo tại HNTU 6 khóa II, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Từ nay đến khi thực hiện hòa bình, ta vẫn tiếp tục đánh Pháp. Nhưng mũi nhọn của ta cũng như mũi nhọn của thế giới đều chĩa vào Mỹ... Chính sách của ta là tranh thủ hòa bình để chống lại chính sách chiến tranh của Mỹ”¹⁴. Người nhấn mạnh: “tám, chín năm nay cương lĩnh của Đảng nêu rõ: Việt-Miên-Lào hoàn toàn

độc lập, thoát ly Pháp, không thừa nhận Liên hiệp Pháp, đuổi hẳn bộ đội Pháp ra khỏi Đông Dương, tiêu diệt nguy quyền và nguy quân, tịch thu tài sản của đế quốc và Việt gian, gây phong trào giảm tô, giảm tức để đi đến cải cách ruộng đất, thực hiện dân chủ ở toàn quốc, kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Cương lĩnh ấy đã thu được nhiều thắng lợi. Cương lĩnh đó là đúng”¹⁵.

Trước tình hình mới có nhiều thay đổi, ta phải biết dừng lại đúng lúc. Ta không thể giữ nguyên cương lĩnh cũ, mà phải biết điều chỉnh cho thích hợp, biết rút lui để rồi lại tiến công. Do vậy, nếu trước đây khẩu hiệu của ta là *Kháng chiến đến cùng*, thì nay cần nêu khẩu hiệu mới là *Hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ*. Lúc này, hơn bao giờ hết là phải giương cao ngọn cờ hòa bình để chống lại đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp, kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương. Sách lược của ta có thay đổi: trước đề ra tịch thu tài sản của đế quốc Pháp, nay chủ trương giữ lợi ích kinh tế và văn hóa của Pháp ở Đông Dương theo nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi; trước nêu đánh đuổi và tiêu diệt hết quân Pháp, nay trong đàm phán ta đòi và Pháp đã bằng lòng định kỳ rút quân; trước đây ta kiên quyết không thừa nhận Liên hiệp Pháp thì nay ta nhận bàn việc tham gia Liên hiệp Pháp một cách bình đẳng và tự nguyện; trước kia ta chủ trương tiêu diệt nguy quân, nguy quyền để thống nhất, ngày nay ta thực hiện chính sách khoan đãi, thông qua tổng tuyển cử toàn quốc để thực hiện thống nhất nước nhà. Trên ý nghĩa ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Ta kháng chiến để độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình. Ngay thực hiện hòa bình cũng là để tranh thống nhất, độc lập, dân chủ. Tình hình mới, phải có chủ trương mới để tranh lấy thắng lợi mới. Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước”¹⁶.

Đây là một mẫu mực “thỏa hiệp có nguyên tắc” trong sách lược của Hồ Chí Minh. Sự thỏa hiệp này phản ánh tình hình không có lợi cho ta. Lúc này, ta đang trong một tương quan mà điều kiện chưa cho phép ta đánh đến cùng, ngay một lúc để thống nhất Tổ quốc.

Một vấn đề quan trọng nữa trong tư duy sách lược Hồ Chí Minh là vấn đề nhân nhượng trong thỏa hiệp. Nếu hai bên trong đàm phán không có sự nhân nhượng cần thiết, không tạm thời rút bỏ một số yêu cầu nhất định, và làm cho mỗi bên nhận thấy mình có được những điều kiện có lợi, thì không bao giờ đạt tới sự thỏa hiệp nào cả. Theo V.I.Lênin, do thỏa thuận với đối phương mà “từ bỏ một phần yêu sách của mình, như thế, về chính trị, người ta gọi là thỏa hiệp”¹⁷. Hồ Chí Minh cho rằng: “Dùng lối nói chuyện thì phải nhân nhượng nhau đúng mức”¹⁸.

Trong Hiệp định Giơnevơ, do tính chất mềm dẻo của sách lược, đòi hỏi ta phải hạ thấp một phần yêu sách để thực hiện sự nhân nhượng cần thiết, do đó tạo ra cho ta những bất lợi tạm thời khó tránh khỏi. Trước đây, ta chủ trương đánh đến cùng để đuổi thực dân Pháp khỏi nước ta, giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc. Sau Hiệp định Giơnevơ, đất nước tạm thời chia làm hai miền, cuộc đấu tranh gìn giữ hòa bình, thực hiện thống nhất bằng tổng tuyển cử, hoàn thành độc lập, dân chủ trong cả nước. Lúc này, mọi việc phải phục vụ mục tiêu trước mắt là gìn giữ và củng cố hòa bình. Mọi chủ trương, chiến lược, sách lược của chúng ta nhằm thực hiện thắng lợi Hiệp định. Thắng lợi mà các nhà nghiên cứu chỉ ra là Pháp rút quân chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, chấm dứt chế độ thuộc địa ở Đông Dương, mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, các nước công nhận và cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương; miền Bắc hoàn

toàn được giải phóng đi lên CNXH làm căn cứ địa vững chắc cho giải phóng miền Nam sau này, căn cứ pháp lý cho đấu tranh tại Hội nghị Pari, là thắng lợi to lớn của nhân dân 3 nước Đông Dương và cớ vủ cho phong trào đấu tranh của nhân dân Á, Phi, Mỹ Latinh...

Không phải ngẫu nhiên mà ngay sau khi Hiệp định được ký kết, Hồ Chí Minh tuyên bố: "Hội nghị Giơnevơ đã kết thúc. Ngoại giao ta đã thắng lợi to"¹⁹. Tháng 10-1998, Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương dựa trên những thành tựu nghiên cứu mới, tư liệu mới đã đưa ra đánh giá như sau: "Hội nghị Giơnevơ chỉ là một bước tạm ngưng cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc để ta củng cố thắng lợi đã giành được chuẩn bị bước sang giai đoạn mới, giai đoạn chống đế quốc Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. Ta ký Hiệp định Giơnevơ như vậy là đúng lúc, kết thúc kháng chiến chống pháp như thế là phù hợp, phản ánh đúng so sánh lực lượng ta - địch trên chiến trường và hoàn cảnh quốc tế lúc đó. Vì lúc này về phía địch, thực dân Pháp tuy thất bại lớn nhưng còn lực lượng và còn đảng sau Pháp là đế quốc Mỹ đang có mưu đồ trực tiếp can thiệp vào chiến tranh Đông Dương. Còn ta lúc đó thắng to nhưng cũng có khó khăn mới, chưa đủ điều kiện để tiếp tục chiến tranh giải phóng cả nước. Trên trường quốc tế, các nước anh em trong đó có Liên Xô, Trung Quốc đều muốn có hòa bình để xây dựng đất nước và đều muốn cuộc chiến tranh ở Đông Dương đi tới một giải pháp"²⁰.

Bên cạnh thắng lợi còn có nhiều hạn chế như: vĩ tuyến phân vùng ở Việt Nam không thể là vĩ tuyến 17 mà có thể lùi về phía Nam; thời hạn tổng tuyển cử là 2 năm và không bao giờ diễn ra; đại biểu kháng chiến Lào và Campuchia không được tham dự Hội nghị và lực lượng kháng chiến Campuchia không có vùng tập kết; thời gian

chuyên quân ở Việt Nam quá dài đến 300 ngày gần như theo yêu cầu của Pháp...

Như vậy, thỏa hiệp với kẻ địch mà không xa rời nguyên tắc, nhượng bộ với quân thù mà vẫn giữ được bản lĩnh và thanh danh chính trị của mình, đó là một sự thỏa hiệp đúng đắn, có nguyên tắc, một sự vận dụng sách lược độc đáo và sáng tạo mà Hồ Chí Minh là mẫu mực.

1. Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh-Biên niên tiểu sử*, Nxb CTQG, H. 2016, T. 3, tr. 197
2. 3. Xem Trần Nhâm: *Chú nghĩa Mác-Lênin: Học thuyết về sự phát triển và sáng tạo không ngừng*, Nxb CTQG, H. 2010, tr. 331, 332
4. 5. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2005, T. 41, tr. 77, 100
6. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2011, T. 15, tr. 513
7. 8. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2005, T. 40, tr. 336, 336
9. Xem Nguyễn Khắc Huỳnh: *Ngoại giao Việt Nam-Phương sách và nghệ thuật đàm phán*, Nxb CTQG, H. 2006, tr. 86
10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2011, T. 5, tr. 6
11. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do-vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb ST, H. 1976, tr. 36
12. 13. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2000, T. 8, tr. 49, 148
- 14, 15, 16, 18. *Sđd*, T. 15, tr. 168, 168, 169, 168
17. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2005, T. 34, tr. 178
19. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2011, T. 9, tr. 1
20. Tài liệu lưu tại Học viện Ngoại giao.